

Bản án số: **67/2019/HS-PT.**

Ngày: 31-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu.

Các Thẩm phán: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Bà Tăng Thị Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Sáu – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2019/TLPT-HS, ngày 30-9-2019 đối với bị cáo Trần Ánh Q do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2019/HS-ST, ngày 23-8-2019 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo kháng cáo: **Trần Ánh Q**, sinh năm 1986; Nơi sinh: thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Số A, đường V, Khóm A, Phường B, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Nhân viên tiếp thị; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn H và bà Mã Thị A; Có chồng và 01 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Về nhân thân: Bị cáo có 01 lần tiền án, vào ngày 25-4-2014 bị Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2014/HSST, đến ngày 24-10-2014, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ở lần phạm tội này của bị cáo đã được xóa án tích; Bị cáo tại ngoài. (Bị cáo có mặt)

- Những người không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Hội đồng xét xử không triệu tập gồm: Bị hại bà Phạm Ngọc T; người làm chứng ông Nguyễn Đình H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 20-02-2019, Phạm Ngọc T là học viên tiệm uốn tóc có bằng hiệu “O” tại Số A đường V, Khóm A, Phường B, thành phố S do chị Hữu Thị Kim N làm chủ để học nghề uốn tóc. Khi đến tiệm thì chị T có để chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 trong tủ nhôm kiếng ở ngăn tủ thứ hai. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, thì có chị Phạm Ngọc T1 là khách hàng đến tiệm để gội đầu. Khoảng 15 phút sau thì Nguyễn Đình H và Trần Ánh Q cũng đến tiệm. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, khi T gội đầu cho chị T1 xong thì chị T tiếp tục gội đầu cho H, lợi dụng lúc chị T đang gội đầu cho H và tủ để điện thoại của chị T bị khuất tầm nhìn nên Q lén lút đến đứng cạnh bên tủ rồi dùng tay phải lấy trộm chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7, màu trắng bạc của chị T bỏ vào túi quần trước bên phải cất giấu. Sau khi lấy được điện thoại Q viện lý do về nhà lấy chai kem dưỡng thể cho chị T1 rồi đem chiếc điện thoại vừa lấy trộm được của chị T mang đến cửa hàng mua bán điện thoại "Q" tại Số A đường L, Khóm A, Phường B, thành phố S cầm cho anh Nguyễn Ngọc Q với giá 1.500.000 đồng. Sau đó, chị T phát hiện mất chiếc điện thoại nên đã trình báo với Công an Phường B, thành phố S. Sau khi tiếp nhận tin báo Công an Phường 3 đến hiện trường và mời Q lên làm việc thì Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của người khác và tự đi chuộc lại chiếc điện thoại để giao nộp cho Cơ quan Công an.

Tại Kết luận định giá tài sản số 31/KL.ĐGTS ngày 27-3-2019 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 PRO, màu trắng bạc, giá trị sử dụng còn lại là 70%, với số tiền là $01 \times 6.990.000 \text{ đồng} \times 70\% = 4.893.000 \text{ đồng}$

* Tại bản án số 67/2019/HS-ST, ngày 23-8-2019 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tuyên xử như sau:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Ánh Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Ánh Q 01 (một) năm tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo thi hành án hình phạt tù.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Ngày 06-9-2019, bị cáo Trần Ánh Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân thành phố S vào cùng ngày 06-9-2019 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận, vào khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 20-02-2019, tại tiệm tóc “O”, ngụ số A, đường V, khóm A, phường B, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo đã lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro của bị hại Phạm Ngọc T, sau đó bị cáo đem chiếc điện thoại lấy trộm đi cầm được số tiền là 1.500.000đ. Theo kết luận định giá tài sản thì chiếc điện thoại di động bị cáo lấy trộm có giá trị là 4.893.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Hội đồng xét xử sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, quy định tại điểm b, h, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét việc Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ nêu trên và xử phạt bị cáo 01 năm tù là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Xét việc bị cáo cho rằng kết luận định giá tài sản xác định chiếc điện thoại di động có giá trị sử dụng còn lại là 70% với số tiền là 4.893.000đ là chưa có căn cứ, thì thấy, ở cấp sơ thẩm sau khi được thông báo về kết quả định giá tài sản thì bị cáo không khiếu nại mà thống nhất với nội dung định giá (bút lục 92), mặt khác bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, trong khi việc định giá đã được Hội đồng định giá tài sản thực hiện đúng quy định của pháp luật, nên lý do kháng cáo này của bị cáo không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác mà Hội đồng xét xử sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo nên không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4]. Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thì thấy: Bị cáo bị phạt tù dưới 03 năm, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có nơi cư trú rõ ràng, tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo đã từng bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo không biết ăn năn, hối cải mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, do đó đối với bị cáo không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại khoản 1 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Mặt khác, hiện nay tình hình tội phạm trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng có chiều hướng gia tăng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Từ đó cho thấy, việc Hội đồng xét xử sơ thẩm không cho bị cáo hưởng án treo là đúng quy định của pháp luật và phù hợp với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

[5]. Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Ánh Q phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

[7]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và án treo của bị cáo Trần Ánh Q.

2. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Ánh Q 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện thi hành án hoặc từ ngày bắt bị cáo thi hành án hình phạt tù.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Ánh Q phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

4. Các quyết định khác của quyết định Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01 bản)
- TAND TP. Sóc Trăng (02 bản);
- VKSND TP. Sóc Trăng (01 bản);
- Cơ quan điều tra - Công an TP. Sóc Trăng (01 bản);
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng (01 bản)
- PKTNVVTHA – TAND tỉnh Sóc Trăng (01 bản);
- Sơ Tư pháp (01 bản);
- CQTHAHS-Công an tỉnh Sóc Trăng (01 bản)
- Bị cáo (01 bản);
- Lưu hs, THS (05 bản);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thành Hữu